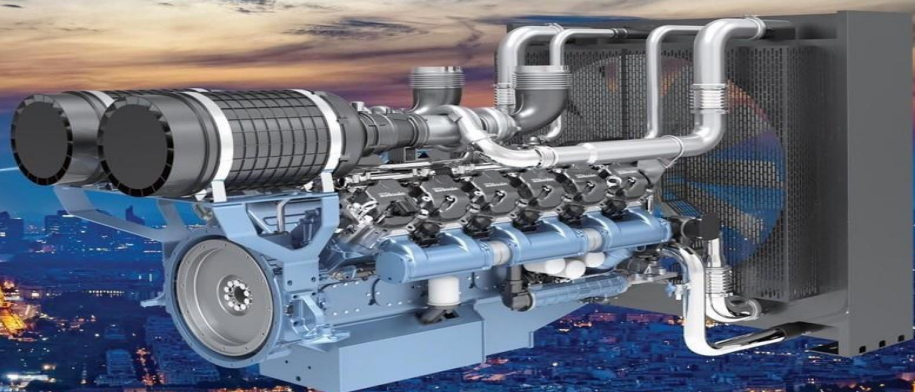




## BMG55BL

- Máy phát điện xoay chiều, chạy dầu Diesel, model BMG55BL 3pha, 4 dây hiệu Binhminh đã được bảo hộ và được biết đến rộng rãi, đạt các tiêu chuẩn ISO: 9001:2015; 14001:2015.
- Sử dụng động cơ Baudouin thương hiệu Pháp, tiêu hao nhiên liệu thấp, chạy ổn định.
- Sử dụng đầu phát thương hiệu LEEGA không chổi than, tự kích từ chất lượng và hiệu suất cao, tự động điều chỉnh điện áp bằng AVR.
- Bồn dầu bằng thép tích hợp trong thân máy, đáp ứng 12 giờ chạy liên tục tại 75% công suất.
- Cơ cấu truyền động: trực tiếp bằng khớp nối đồng trục. Động cơ và đầu phát điện được nối ghép với nhau bằng cơ cấu khớp nối đồng trục, có hệ thống chống rung đảm bảo khả năng chịu tải và chấn động cao.
- Có khả năng chạy liên tục 24/24 ở 75% công suất liên tục, chỉ nghỉ 1 lần 30 phút cho mỗi 12 giờ chạy.
- Có khả năng chạy liên tục 12 giờ ở 100% công suất liên tục.
- Có khả năng hoạt động quá tải 1 giờ trong mỗi 12 giờ chạy máy liên tục ở 110% công suất liên tục.

| Model máy phát điện       | Thương hiệu động cơ       | Model động cơ                            | Thương hiệu đầu phát | Model đầu phát      | Bảng điều khiển  | Hệ số công suất      |
|---------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------|----------------------|
| BMG55BL                   | Baudouin                  | 4M06G55/5                                | LEEGA                | LA224G40            | DATAKOM D500 MK3 | 0.8                  |
| Công suất liên tục KVA/KW | Công suất dự phòng KVA/KW | Tiêu hao nhiên liệu 100%/75% tải (L/giờ) | Tốc độ vòng quay     | Bình nhiên liệu (L) | Trọng lượng (KG) | Kích thước (D*R*C)mm |
| 50 / 40                   | 55 / 44                   | 11.9/ 8.9                                | 1500 vòng/phút       | 130                 | 1060             | 2450*850*1290        |

**Vô chống ồn:** bằng thép, độ dày 1,5mm được sơn tĩnh điện, độ ồn đạt 65 dB (@7m,@75% tải).

**Khung-đế máy:** độ dày 2mm, sơn tĩnh điện, đã xử lý bề mặt hoá học để chống oxy hoá.

**Môi trường:** Phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam

\* Nhiệt độ: 0°C - 50°C

\* Khí hậu: Nhiệt đới, nóng ẩm

\* Độ cao: ≤1000m

\* Độ ẩm: 80-100%

**Điều kiện hoạt động của hệ thống điện**

Điện áp (V): 230/400, xoay chiều

Dao động điện áp (từ không tải đến 100% tải):  $\leq \pm 1\%$

Tần số (Hz): 50

Dao động tần số (từ không tải đến 100% tải):  $\leq \pm 1,5\%$



# THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỘNG CƠ

MODEL ĐỘNG CƠ: BAUDOUIN 4M06G55/5

Sản xuất tại Trung Quốc

ĐỘNG CƠ BAUDOUIN Model 4M06G55/5 động cơ diesel 4 kỳ, làm mát bằng nước kết hợp quạt gió.

| Tốc độ | Tổng công suất động cơ |     | Công suất động cơ hiệu dụng |     |
|--------|------------------------|-----|-----------------------------|-----|
|        | PRP                    | ESP | PRP                         | ESP |
| RPM    | kW                     | kW  | kW                          | kW  |
| 1500   | 48                     | 53  | 46                          | 51  |

- 1) Tất cả các đánh giá đều dựa trên các điều kiện hoạt động theo ISO 8528-1, ISO 3046, DIN6271. Dung sai  $\pm 5\%$ .
- 2) Điều kiện thử nghiệm: 100 kPa, nhiệt độ đầu vào không khí 25°C, độ ẩm tương đối 30%, với mật độ nhiên liệu 0.84 kg/L. Có thể yêu cầu giảm các thông số này để phù hợp với các điều kiện bên ngoài; vui lòng liên hệ với nhà máy để biết chi tiết.
- 3) Đường cong công suất đầu ra dựa trên hoạt động của động cơ với hệ thống nhiên liệu, bơm nước và bơm dầu bôi trơn; không bao gồm dầu phát sặc pin, quạt và thiết bị tùy chọn khác.
- 4) Độ ổn định tốc độ ở tải không đổi (ISO 8528-5 Class G3):  $\leq \pm 0.5\%$ .

## THÔNG SỐ CHÍNH

|                                                  |                                                              |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Model động cơ                                    | 4M06G55/5                                                    |
| Số xi lanh                                       | 4, thẳng hàng                                                |
| Đường kính x Hành trình Piston (mm)              | 89 x 92                                                      |
| Dung tích xy lanh(L)                             | 2.3                                                          |
| Điều tốc                                         | Điện tử                                                      |
| Nạp khí                                          | Tăng áp và làm mát sau tăng áp                               |
| Tỷ số nén                                        | 17.5:1                                                       |
| Tốc độ piston (m/giây)                           | 4.6                                                          |
| Lưu lượng khí nạp ở công suất định mức (m³/phút) | 2.73                                                         |
| Lưu lượng khí xả ở công suất định mức(m³/phút)   | 9.72                                                         |
| Trọng lượng (Kg)                                 | 286                                                          |
| Lưu lượng gió nạp (m³/phút)                      | 102                                                          |
| Nhiên liệu                                       | Dầu Diesel, phun nhiên liệu trực tiếp                        |
| Hệ thống lọc                                     | Bộ lọc gió, lọc nhiên liệu, lọc nhớt (có thể thay thế)       |
| Hệ thống cảm biến                                | Cảm biến áp suất dầu bôi trơn, nhiệt độ nước, mức nhiên liệu |



## HỆ THỐNG DẦU BÔI TRƠN

|                                                 |                                              |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Áp suất dầu bôi trơn ở điều kiện tĩnh (Bar)     | $\geq 1$                                     |
| Mức cảnh báo dầu bôi trơn thấp (Bar)            | 1                                            |
| Nhiệt độ dầu bôi trơn cao nhất cho phép (°C)    | 115                                          |
| Tổng dung tích dầu bôi trơn (gồm cả bộ lọc) (L) | 9.2                                          |
| Thành phần                                      | Bơm dầu bôi trơn, phin lọc bôi trơn, bầu lọc |

## HỆ THỐNG LÀM MÁT

|                                                |                                                                             |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ cảnh báo (°C)                         | 105                                                                         |
| Nhiệt độ mở van bằng nhiệt (°C)                | 72/82                                                                       |
| Tổng dung tích nước làm mát – phần động cơ (L) | 5                                                                           |
| Kiểu làm mát                                   | Làm mát bằng nước có pha dung dịch chống đóng cặn kết hợp quạt gió đầu trực |

## HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU

|                                           |      |
|-------------------------------------------|------|
| Mức tối đa ở đầu hút bơm nhiên liệu (Bar) | 0.5  |
| Lưu lượng cấp nhiên liệu (Lít / giờ)      | 60.5 |
| Mức tối đa dòng hồi nhiên liệu (Bar)      | 0.5  |
| Nhiệt độ tối đa đầu hút nhiên liệu (°C)   | 50   |

## HỆ THỐNG KHỞI ĐỘNG

|                                   |                                                                                                    |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Motor khởi động                   | Đề điện bằng ắc quy kín khí 60Ah, 12V<br>Tự động sạc điện khi chạy máy, bộ nạp ắc quy kèm theo máy |
| Công suất máy phát nạp ắc quy (A) | 50                                                                                                 |
| Công suất motor khởi động (kW)    | 3.7                                                                                                |

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẦU PHÁT

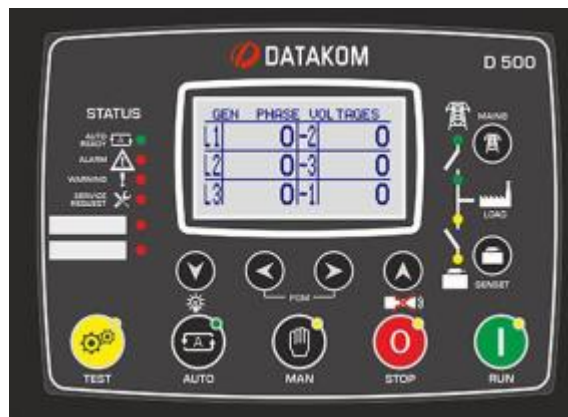
Đầu phát điện hiệu LEEGA – Xuất xứ Trung Quốc 3pha, 4 dây; có khả năng hoạt động 1 giờ ở chế độ quá tải 110% trong 6 giờ hoạt động bất kỳ. Hiệu suất tại 100% tải công suất liên tục là 90%. Khả năng quá tốc độ 2250 vòng.



|                                     |                                               |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Thương hiệu                         | LEEGA                                         |
| Model                               | LA224G40                                      |
| Công suất liên tục/ dự phòng (40°C) | 50/55 kVA                                     |
| Kết cấu                             | Một ổ trục, cánh quạt đầu trực thổi trực tiếp |
| Cấp cách điện                       | Cấp H                                         |
| Cấp bảo vệ (theo IEC-34-5)          | IP23                                          |
| Hệ thống kích từ                    | Tự kích từ, không chổi than                   |
| Điều chỉnh điện áp                  | A.V.R. (điện từ)                              |
| Kiểu đầu phát                       | Vòng bi đơn                                   |

# BỘ ĐIỀU KHIỂN KỸ THUẬT SỐ DATAKOM D-500MK3

Bộ điều khiển DATAKOM D-500MK3 tại Thổ Nhĩ Kỳ, vận hành bằng phím mềm và bằng ổ khoá đề với đầy đủ tính năng hiển thị (sai số 5%), cảnh báo, bảo vệ, có thể điều khiển bật/tắt từ xa qua tiếp điểm khô, có tiếp điểm No/NC cảnh báo khi mức nhiên liệu thấp hơn ngưỡng cho phép. Sơ đồ đấu dây đầy đủ chỉ dẫn. Dây tín hiệu điều khiển và cảm biến, cảnh báo có đánh số và màu sắc để phân biệt các chức năng. Tự động khởi động máy phát điện khi điện áp ắc quy của trạm BTS thấp hơn ngưỡng cho phép. Máy hoạt động để cấp nguồn cho sạc ắc quy của trạm BTS.



## Chức năng điều khiển

Màn hình hiển thị LCD, Ngôn ngữ tiếng Anh  
Test/Auto; Khởi động: Run(Start)/Manual; Stop  
C/O (Đóng/mở CB hoặc rơ le...)  
Nút dừng khẩn cấp  
Set (Xác nhận chế độ cài đặt...)  
Phím dịch chuyển lên, xuống  
Kết nối với tủ ATS  
Chức năng điều khiển từ xa

## Chức năng hiển thị trên màn hình LCD

Điện áp các pha (V)  
Dòng điện các Pha (A)  
Tần số (Hz)  
Công suất (kW, kVA)  
Tải máy phát (%)  
Trình tự pha  
Hệ số công suất (PF)  
Tốc độ động cơ (RPM)  
Nhiệt độ, áp suất dầu bôi trơn (Bar)  
Nhiệt độ nước làm mát ( $^{\circ}\text{C}$ )  
Mức nhiên liệu (% , Lít)  
Điện áp ắc quy (Vdc)  
Số giờ hoạt động; Số giờ hoạt động còn lại máy phát đến giờ bảo trì  
Số lần khởi động máy  
Điện áp sạc ắc quy  
Điện áp điện lưới (V)  
Tần số điện lưới (V)  
Trình tự pha



|                                                                                                                 |                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Hiển thị nâng cao</b>                                                                                        | Hiển thị và phân tích điện áp dạng đồ thị                                                                                                              |
|                                                                                                                 | Đèn LED báo trạng thái hoạt động của bảng điều khiển, chế độ Stop/Auto/C/O/Manual, cảnh báo                                                            |
| <b>Các tính năng cảnh báo, tự động dừng máy. (Cảnh báo được hiển thị trên màn hình LCD và có đèn nhấp sáng)</b> | Đèn báo máy phát                                                                                                                                       |
|                                                                                                                 | Nhiệt độ động cơ cao/thấp hơn ngưỡng cài đặt: cảnh báo, tắt máy                                                                                        |
|                                                                                                                 | Áp suất động cơ cao/ thấp hơn ngưỡng cài đặt: cảnh báo, tắt máy                                                                                        |
|                                                                                                                 | Điện áp đầu ra cao/thấp hơn ngưỡng cho phép: cảnh báo, tắt máy                                                                                         |
|                                                                                                                 | Tần số cao/thấp hơn ngưỡng cho phép: cảnh báo, tắt máy                                                                                                 |
|                                                                                                                 | Quá tải: cảnh báo, tắt máy                                                                                                                             |
|                                                                                                                 | Tác động nút dừng khẩn cấp: cảnh báo, tắt máy                                                                                                          |
|                                                                                                                 | Điện áp ắc quy cao/thấp: cảnh báo, tắt máy                                                                                                             |
|                                                                                                                 | Tốc độ động cơ cao/thấp: cảnh báo, tắt máy                                                                                                             |
|                                                                                                                 | Nhiệt độ nước làm mát quá cao: Cảnh báo, tắt máy                                                                                                       |
|                                                                                                                 | Áp lực dầu nhớt thấp hơn dưới mức cho phép: Cảnh báo, tắt máy                                                                                          |
|                                                                                                                 | Mức nhiên liệu thấp hơn ngưỡng cài đặt: Cảnh báo, tắt máy                                                                                              |
|                                                                                                                 | Lỗi sạc ắc quy                                                                                                                                         |
| <b>Cổng giao tiếp</b>                                                                                           | Công thông tin truyền thông Modbus cung cấp khả năng truyền tin Modbus-RTU qua module RS485, Modbus TCP/IP qua module Ethernet, Modbus-TCP/IP qua GPRS |
|                                                                                                                 | Cổng kết nối với hệ thống kiểm soát từ xa                                                                                                              |
|                                                                                                                 | Cổng kết nối USB                                                                                                                                       |
| <b>Hệ thống kết nối điện đầu ra</b>                                                                             | Sử dụng Aptomat (CB) Chint 3 pha 4 cực, bảo vệ quá tải và ngắn mạch                                                                                    |
|                                                                                                                 | Điểm kết nối cố định, dùng ren vít và bu lông ( $\varnothing \geq 8$ )                                                                                 |
|                                                                                                                 | Có điểm đấu tiếp đất trên vỏ máy, có nắp bảo vệ                                                                                                        |
| <b>Điện áp cấp nguồn sử dụng liên tục</b>                                                                       | 8-35V                                                                                                                                                  |
| <b>Nhiệt độ làm việc</b>                                                                                        | 0°C-70°C                                                                                                                                               |
| <b>Cấp bảo vệ</b>                                                                                               | $\geq$ IP65                                                                                                                                            |

**Bộ nạp bù ắc quy (ACCU)**  
Sử dụng loại sạc ắc quy cao cấp hiện đại nhất bậc của SMARTGEN BAC06T sử dụng công nghệ Swichmode dòng điện ra ( $I_0$ ) 6A, điện áp ra ( $V_0$ ) 12V. Đèn LED hiển thị trạng thái hoạt động



SMARTGEN BAC06T

Dải điện áp đầu vào 90-305 VAC

|                   |                                                                       |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Chế độ nạp        | Nạp ồ dồng (Bulk charge) và nạp ồ áp (Float charge)                   |
| Tính năng an toàn | Bảo vệ quá tải, ngắn mạch, bảo vệ quá áp đầu vào, bảo vệ nhiệt độ cao |
| Phụ kiện          | Đầy đủ kèm theo để lắp đặt bộ nạp bù                                  |



## INNOVATIVE POWER SOLUTION

Trụ sở: Số 31 ngõ 92, Đường Nguyễn Khánh Toàn,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

[www.bmgpower.vn](http://www.bmgpower.vn)

